

Bản án số: 99/2019/HSPT
Ngày: 12/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng.

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/8/2019 và 12/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/TLPT-HS ngày 20/5/2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A do có kháng cáo của bị cáo Ngọc A đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc A; Tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc A; Sinh năm: 1965; nơi cư trú: Số nhà 24 đường H3, phường L1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Phòng giao dịch Ngân hàng VietinBank Chi nhánh Bắc Giang; trình độ học vấn: Lớp 10/10; con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1943; gia đình bị cáo có 4 chị em, bản thân là con thứ nhất; chồng: Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1964; con: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1989; bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị xóa tên khỏi đảng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2011 đến ngày 31/01/2011. Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Quế C1, luật sư thuộc Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Ngoài ra còn có những bị cáo khác nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (viết tắt là Vietinbank) Chi nhánh Bắc Giang có trụ sở tại: Số 45 đường Nguyễn Văn C3, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang chính thức hoạt động từ ngày 01/01/1997 theo Quyết định số 10/NHCT-QĐ, ngày 17/12/1996 của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng công thương Việt Nam và là đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng Vietinbank có con dấu riêng, bảng cân đối riêng; Hoạt động kinh doanh theo điều lệ của Ngân hàng Vietinbank; Quy chế, tổ chức và hoạt động do Hội đồng quản trị Ngân hàng Vietinbank ban hành, có vốn Nhà nước trên 50%. Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang có mở một số Phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong đó có Phòng giao dịch Bắc Giang, địa chỉ tại số 01 Lý Thái Tổ, phường T3, thành phố B1.

Quá trình hoạt động, từ ngày 01/7/2009 đến ngày 29/9/2009, các cán bộ của Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang và Phòng giao dịch Bắc Giang gồm Ngô Mạnh K, sinh năm 1958; trú tại: số nhà 40 đường Nguyễn Thị L2, phường Q, thành phố B1 - Phó Giám đốc Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang; Ngô Tuấn A1, sinh năm 1982, trú tại: Số nhà 83, đường N, phường T3, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1965, trú tại: Số 24, đường H3, phường L1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang (đều là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch Bắc Giang) đã tin tưởng Dương Văn C2, sinh năm 1976, trú tại số nhà 269, đường L1, phường T4, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang là Trưởng Phòng giao dịch Bắc Giang nên không thực hiện hoặc thực hiện không hết chức trách, nhiệm vụ dẫn đến việc lập một số hồ sơ cho vay vốn đối với các cá nhân và doanh nghiệp không đảm bảo quy định gây thất thoát tài sản của Ngân hàng Vietinbank, cụ thể các hồ sơ sau:

1. Hồ sơ vay vốn mang tên Ngụy Hoàng P, sinh năm 1982; trú tại: Số 06, ngõ 7, đường V4, phường T3, thành phố B1 gồm: Hợp đồng tín dụng số 0107-022-04/HĐTD ngày 01/7/2009, số tiền vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), vay theo hình thức tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay thông qua hợp đồng mua bán ô tô để kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 01/7/2009 đến ngày 01/7/2010 và Hợp đồng tín dụng số 0116-022-04/HĐTD ngày 21/7/2009, số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), vay theo hình thức tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay thông qua hợp đồng mua bán ô tô để kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay 12 tháng, kể từ ngày 21/7/2009 đến ngày 21/7/2010.

2. Hồ sơ vay vốn mang tên Công ty TNHH MTV P1 (viết tắt là Công ty P1); địa chỉ tại: Số 06, ngõ 7, đường V4, phường T3, thành phố B1 do Ngụy Hoàng P là giám đốc theo Hợp đồng tín dụng số 0108-008-04/HĐTD ngày 29/7/2009, số tiền vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), tài sản thế chấp để vay là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Vũ Thị B, sinh năm 1962, trú tại: Số 87 đường Nguyễn Văn C3, phường T4, thành phố B1, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 29/7/2009 đến ngày 29/7/2010. Ngày 14/9/2009, bà Vũ Thị B trả cho Ngân hàng Vietinbank số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) để rút 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29/9/2009, Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh

Bắc Giang ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 0138-008-04/PLHĐTD cho Công ty P1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), tài sản thế chấp là kho đạm Ure của Công ty P1.

3. Hồ sơ vay vốn mang tên Phan Văn T1, sinh năm 1982, trú tại: Thôn N2, xã P3, huyện N1, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0068-022-04/HĐTD ngày 13/8/2009, số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), vay theo hình thức tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay thông qua hợp đồng mua bán ô tô để kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 12/8/2009 đến ngày 12/8/2010.

4. Hồ sơ vay vốn mang tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ H (Viết tắt là Công ty H); địa chỉ tại số nhà 269, đường L1, phường T4, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang do ông Dương Văn H1- sinh năm 1952 là giám đốc theo Hợp đồng tín dụng số 0123-008-04/HĐTD ngày 21/8/2009, số tiền vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), tài sản thế chấp để vay là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng của vợ chồng bà Vũ Thị B nêu trên, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 21/8/2009 đến ngày 21/8/2010.

5. Hồ sơ vay vốn mang tên Đào Xuân P2, sinh năm 1981; trú tại: Thôn V5, thị trấn B2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0070-022-04/HĐTD ngày 24/8/2009, số tiền vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), vay theo hình thức tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay thông qua hợp đồng mua bán ô tô để kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 24/8/2009 đến ngày 24/8/2010.

6. Hồ sơ vay vốn mang tên Nguyễn Hồng V1, sinh năm 1986; trú tại: Số nhà 39 đường L3, phường T4, TP B1, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0071-022-04/HĐTD ngày 24/8/2009, số tiền vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), vay theo hình thức tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay thông qua hợp đồng mua bán ô tô để kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 24/8/2009 đến ngày 24/8/2010.

7. Hồ sơ vay vốn mang tên Ngô Văn T2, sinh năm 1980, trú tại: Thôn B3, xã T5, huyện T6, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0069-022-04/HĐTD ngày 24/8/2009, số tiền vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), vay theo hình thức tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay thông qua hợp đồng mua bán ô tô để kinh doanh vận tải, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 24/8/2009 đến ngày 24/8/2010.

Khi lập các hồ sơ cho vay vốn ở trên, Dương Văn C2 là Trưởng Phòng giao dịch Bắc Giang phân công và giao cho Ngô Tuấn A1 là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch trực tiếp thiết lập các tài liệu, theo dõi, quản lý các hồ sơ đứng tên Ngụy Hoàng P, Phan Văn T1, Đào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1 và Ngô Văn T2; phân công và giao cho Nguyễn Ngọc A là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch Bắc Giang trực tiếp thiết lập các tài liệu, theo dõi, quản lý các hồ sơ đứng tên các Công ty P1 và Công ty H.

Khi được phân công thiết lập, theo dõi, quản lý các hồ sơ cho vay vốn, Ngô Tuấn A1 và Nguyễn Ngọc A đều được Dương Văn C2 cung cấp các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến việc lập hồ sơ cho vay như tên, tuổi, địa chỉ của người vay, giấy đề

ngiht vay vón, các hợp ðồng mua bán ô tô, phương án kinh doanh vận tải, thông tin về công ty, hợp ðồng kinh doanh. Và nói là khách hàng vay vón của C2, ðủ ðiều kiện cho vay theo quy ðịnh. Do tin tưởng và nể nang, Ngô Tuấn A1 và Nguyễn Ngọc A sau khi ðược Dương Văn C2 phân công và giao cho các tài liệu có liên quan, Ngô Tuấn A1 ðã trực tiếp tiến hành thiết lập các tài liệu như biên bản ðịnh giá tài sản hình thành từ vón vay, hợp ðồng thế chấp tài sản hình thành từ vón vay, hợp ðồng tín dụng, giấy nhận nợ, biên bản kiểm tra sử dụng vón vay. Nguyễn Ngọc A ðã trực tiếp tiến hành thiết lập các tài liệu như: Tờ trình thẩm ðịnh khách hàng, hợp ðồng thế chấp tài sản, biên bản ðịnh giá tài sản, hợp ðồng tín dụng, giấy nhận nợ. Quá trình thiết lập các tài liệu giấy tờ nêu trên Ngô Tuấn A1 và Nguyễn Ngọc A ðều không thực hiện việc trực tiếp tiếp xúc với khách hàng là những người ðứng tên vay vón ðể lấy thông tin, không kiểm tra thực tế tài sản bảo ðảm và ký kết trực tiếp với khách hàng vay vón mà sau khi thiết lập tài liệu xong ðã ðưa lại hồ sơ cho Dương Văn C2 ðể C2 lấy chữ ký của những khách hàng có tên trong hồ sơ vay vón.

Ðối với các hồ sơ vay vón mang tên Ngụy Hoàng P và Phan Văn T1 ðều vay số tiền 500.000.000ðồng thuộc thẩm quyền phán quyết tín dụng của Phòng giao dịch nên Dương Văn C2 ðã ký duyệt cho vay. Ðối với các hồ sơ vay vón mang tên Ðào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2, Công ty P1 và Công ty H, do số tiền vay vượt mức phán quyết tín dụng của Phòng giao dịch nên thuộc thẩm quyền ký duyệt của Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang. Giám ðốc Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang phân công Ngô Mạnh K là Phó Giám ðốc phụ trách Phòng giao dịch Bắc Giang, có trách nhiệm quản lý, theo ðõi, ký duyệt cho vay ðối với các hồ sơ vay vón vượt mức phán quyết tín dụng của Phòng giao dịch Bắc Giang. Ngô Mạnh K ðã ký vào các tờ trình thẩm ðịnh, hợp ðồng thế chấp tài sản, biên bản ðịnh giá tài sản, hợp ðồng tín dụng, giấy nhận nợ với tư cách ðại diện bên cho vay với khách hàng vay vón ðối với các hồ sơ mang tên Ðào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2, Công ty P1 và Công ty H. Tổng số tiền Ngô Mạnh K ðã ký duyệt cho vay là 5.800.000.000 ðồng (Năm tỷ tám trăm triệu ðồng), trong ðó có khoản vay 1.400.000.000 ðồng của Công ty P1 (tài sản thế chấp là kho ðạm Ure, nhưng trên thực tế không có).

Sau khi giải ngân cho các khách hàng vay vón (gồm Ngụy Hoàng P, Phan Văn T1, Ðào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2, Công ty P1 và Công ty H) với tổng số tiền là 7.900.000.000 ðồng, ðến thời hạn thanh toán, Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang không thu hồi ðược số tiền gốc và lãi theo các hợp ðồng tín dụng ðã ký kết và giải ngân nêu trên.

Quá trình ðiều tra xác ðịnh:

Dương Văn C2 có mối quan hệ gia ðình và quan hệ quen biết với Ngụy Hoàng P, Phan Văn T1, Ðào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2 và Dương Văn H1 (Dương Văn H1 là bố ðẻ của C2; Nguyễn Hồng V1 là em ðâu của C2; Ngô Văn T2, Ðào Xuân P2, Phan Văn T1 là những người làm công cho gia ðình nhà C2; Ngụy Hoàng P là người quen biết xã hội với C2). Ðầu năm 2009, Dương Văn C2 nhờ Ngụy Hoàng P ðứng tên thành lập Công ty P1, mọi hoạt ðộng kinh doanh của Công ty P1 do C2 ðiều hành và chịu trách nhiệm. Do có nhu cầu sử dụng vón ðể kinh doanh nên Dương Văn C2 ðã lấy thông tin cá nhân của những người có tên ở trên cùng với các tài liệu có liên quan cung cấp cho Ngô Tuấn A1, Nguyễn Ngọc A ðể thiết lập hồ sơ

vay vốn. Đối với hồ sơ mang tên Công ty P1, Ngụy Hoàng P và Phan Văn T1 thì C2 nhờ P và T1 ký hồ sơ hộ còn các hồ sơ mang tên Đào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2 và Công ty H thì C2 tự ký giả tên của những người này vào hồ sơ vay vốn. Toàn bộ số tiền vay được của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Bắc Giang theo các hồ sơ vay vốn trên, C2 khai đã rút ra sử dụng vào kinh doanh, chi tiêu cá nhân và bị thua lỗ, không còn khả năng thanh toán cho Ngân hàng, nên từ khoảng tháng 12/2009 Dương Văn C2 đã tự ý nghỉ việc và bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngụy Hoàng P là người đứng tên thành lập Công ty P1 và đứng tên hồ sơ vay vốn giúp Dương Văn C2. Ngụy Hoàng P không tham gia điều hành hoạt động của Công ty P1 và không sử dụng số tiền đứng tên 02 hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang ở trên. Mọi hoạt động của Công ty P1 là do Dương Văn C2 điều hành, khi nào C2 nhờ ký vào các tài liệu có liên quan thì P ký. Ngụy Hoàng P không phải làm thủ tục, giấy tờ gì liên quan đến Công ty P1 và các hồ sơ vay vốn, không tiếp xúc, cung cấp thông tin gì với các cán bộ tín dụng của Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang để vay vốn.

Phan Văn T1 là người ký hồ sơ vay vốn giúp Dương Văn C2, mọi thủ tục giấy tờ liên quan đến vay vốn là do C2 thực hiện, T1 không tiếp xúc, cung cấp thông tin gì với cán bộ tín dụng của Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang để vay vốn. Phan Văn T1 không sử dụng số tiền vay, không mua và kinh doanh ô tô như trong hợp đồng vay vốn.

Đào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2 và Dương Văn H1 đều là những người không vay vốn tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang theo các hồ sơ vay vốn ở trên, không cung cấp tài liệu, thông tin gì liên quan đến hồ sơ vay vốn và không tiếp xúc với các cán bộ tín dụng của Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang, không ký tên trên hồ sơ vay vốn.

Ngày 13/4/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Bắc Giang có Quyết định trưng cầu giám định số 91/PC46 giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu có chữ ký Dương Văn H1 trong các tài liệu của hồ sơ vay vốn mang tên Công ty H. Tại Kết luận giám định số 314/PC21, ngày 22/4/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh tương ứng với chữ ký, chữ viết thật của Dương Văn H1 không phải của một người ký.

Ngày 26/5/2010, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang có Quyết định trưng cầu giám định số 110/PC46 giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định là các tài liệu, chứng từ của hồ sơ vay vốn mang tên Đào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1 và Ngô Văn T2. Tại kết luận giám định số 410/PC21, ngày 11/6/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh tương ứng với chữ ký, chữ viết thật của Đào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1, Ngô Văn T2 đều không phải của một người ký.

Các hợp đồng mua bán ô tô, phương án kinh doanh vận tải trong các hồ sơ vay vốn mang tên Ngụy Hoàng P, Phan Văn T1, Đào Xuân P2, Nguyễn Hồng V1 và Ngô Văn T2 đều là do Dương Văn C2 lập không. Số tiền Ngân hàng Vietinbank Chi

nhánh Bắc Giang giải ngân cho vay không được sử dụng mua ô tô nên không có tài sản để thế chấp hình thành từ vốn vay theo hợp đồng đã ký kết. Đối với kho đạm Ure của Công ty P1 thế chấp để vay số tiền 1.400.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng ngày 29/9/2009 là không có thật, do lập không.

Theo quy định của ngân hàng Vietinbank thì mức phán quyết tín dụng cho vay của Phòng giao dịch đối với cá nhân, hộ gia đình tối đa là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), đối với tổ chức kinh tế tối đa là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi thiết lập hồ sơ cho vay, cán bộ tín dụng phải có trách nhiệm trực tiếp tiếp xúc với khách hàng vay vốn, nắm thông tin và hướng dẫn khách hàng vay vốn làm thủ tục theo quy định, tiến hành kiểm tra, thẩm định, định giá thực tế tài sản thế chấp, thành phần định giá phải có tối thiểu từ 2 người trở lên, trường hợp tài sản bảo đảm được xác định để bảo đảm cho số tiền vay/hạn mức cho vay từ 500 triệu đồng trở lên phải có 01 lãnh đạo phòng giao dịch, trường hợp tài sản bảo đảm phức tạp phải có thêm 01 người trong ban giám đốc; trường hợp nhận bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai, ngân hàng cho vay phải quản lý, giám sát được tài sản bảo đảm trong quá trình hình thành.

Đối với Dương Văn C2, ngày 03/9/2010, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Do Dương Văn C2 bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với C2. Ngày 11/5/2018, Dương Văn C2 đầu thú, ngày 14/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang phục hồi vụ án, phục hồi điều tra đối với bị can Dương Văn C2. Toàn bộ trách nhiệm dân sự và những người có liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Văn C2 đang được giải quyết trong vụ án Dương Văn C2 và đồng phạm phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Khi tiến hành ký thẩm định, định giá tài sản là kho đạm Ure của Công ty P1, ngoài Nguyễn Ngọc A là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch Bắc Giang, Ngô Mạnh K là Phó giám đốc Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang thì còn có Chu Công L, sinh năm 1952 là Trưởng phòng giao dịch Bắc Giang (tiếp nhận nhiệm vụ Trưởng phòng giao dịch thay Dương Văn C2 từ ngày 13/9/2009) cũng tham gia ký thẩm định, định giá tài sản. Tuy nhiên, hồ sơ cho Công ty P1 vay trong hạn mức đã được giải ngân từ trước đó; bản thân ông L không được trao đổi, bàn bạc gì về hồ sơ vay vốn mà do tin tưởng vào nội dung báo cáo của Nguyễn Ngọc A về tình hình kinh doanh của Công ty P1, việc thẩm định kho đạm Ure... nên đã ký vào hồ sơ thẩm định. Mặt khác, ông L không phải là người có thẩm quyền quyết định trong việc cho vay, nên căn cứ vào tính chất, mức độ, vai trò của ông L, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông L là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/01/2011, ông Ngô Văn V2, sinh năm 1952 là bố đẻ bị cáo Ngô Tuấn A1 giao nộp số tiền 40.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo Ngô Tuấn A1. Các ngày 11/7/2011, 22/7/2011 và 01/8/2011 bà Lưu Thị Phương D2, sinh năm 1962 là vợ bị cáo Ngô Mạnh K giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tổng số tiền 300.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho

bị cáo K. Các ngày 27/6/2011, 11/7/2011 và 09/8/2011 ông Chu Công L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tổng số tiền 90.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bản thân.

Ngày 25/8/2011, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả toàn bộ số tiền do gia đình của các bị cáo và người liên quan giao nộp ở trên cho Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang. Ngày 15/12/2015, Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bắc Giang đã trả lại cho Chu Công L số tiền 90.000.000 đồng, Ngô Mạnh K số tiền 300.000.000 đồng và ngày 24/8/2016 trả cho Ngô Tuấn A1 số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 07/01/2011 và ngày 10/01/2011 quá trình khám xét nơi ở của gia đình bị cáo Ngô Tuấn A1 và Nguyễn Ngọc A đã thu giữ 02 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Tuấn A1 và Nguyễn Ngọc A. Ngày 22/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang đã trả lại 02 chứng minh nhân dân cho Ngô Tuấn A1 và Nguyễn Ngọc A.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS- P3 ngày 09/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo: Ngô Tuấn A1, Nguyễn Ngọc A, Ngô Mạnh K về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A; Tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/01/2011 đến ngày 31/01/2011.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt đối với các bị cáo khác, tuyên phân trách nhiệm dân sự, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 22/4/2019 bị cáo Nguyễn Ngọc A nộp đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Ngọc A giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo với lý do: Đối với hồ sơ vay vốn của Công ty P1 bị cáo không có ý kiến gì, bản án xét xử là đúng. Đối với hồ sơ vay vốn của Công ty H thì hồ sơ này được bảo lãnh vay vốn bằng tài sản bảo đảm là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại ngân hàng vẫn đang giữ hồ sơ tài sản bảo đảm, Ngân hàng có thể phát mại tài sản để thu hồi khoản vay, giảm thiểu thiệt hại cho ngân hàng. Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm lấy giá trị món vay để xác định là giá trị thiệt hại của Ngân hàng mà không chờ kết quả thu hồi tài sản của Ngân hàng là không đúng; ngoài ra ngân hàng không có quy định bắt buộc khi lập hồ sơ vay vốn phải bắt buộc người vay đến nộp hồ sơ và ký trước mặt có sự chứng kiến của cán bộ ngân hàng, ở đây

Công ty H là pháp nhân, có con dấu riêng, hồ sơ vay vốn do bị cáo Cường đưa cho bị cáo đã có chữ ký và con dấu của ông H1 giám đốc Công ty H, còn việc cơ quan Công an xác định đây là chữ ký giả thì trách nhiệm thuộc về bị cáo Cường chứ không phải bị cáo khi kiểm tra hồ sơ vay vốn.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án sơ thẩm đã cộng dồn thiệt hại của các hồ sơ vay để làm căn cứ áp dụng hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 mà lại vẫn áp dụng là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong 3 năm liên tiếp (2006, 2007, 2008) bị cáo liên tục là lao động tiên tiến được Ngân hàng tặng Giấy khen, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 cho bị cáo.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngọc A phát biểu quan điểm: không có căn cứ buộc bị cáo Ngọc A phải chịu trách nhiệm về thiệt hại 02 tỷ đồng của ngân hàng với món vay của Công ty H, bởi lẽ: Bị cáo Nguyễn Ngọc A không thiếu trách nhiệm khi lập và thẩm định tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo hoàn toàn có khả năng thu hồi. Ngân hàng không thiệt hại 02 tỷ đồng đối với hồ sơ cho vay của Công ty H. Bị cáo Ngọc A không thiếu trách nhiệm trong việc lập hồ sơ cho vay, có đi thẩm định tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm đối với các bị cáo Nguyễn Thị H2 và Ngô Mạnh K về hành vi này. Do vậy, tương tự với bị cáo Nguyễn Ngọc A, đề nghị Tòa án không xác định món vay 02 tỷ đồng của Công ty H là hậu quả để buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chịu trách nhiệm.

- Hơn nữa món vay 2 tỷ đồng của Công ty H là món vay có tài sản đảm bảo là 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Bà B bảo lãnh vay vốn. Ngân hàng có thể xử lý tài sản đảm bảo để thu nợ, nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà B là người bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, Ngân hàng không bị hậu quả thiệt hại 02 tỷ đồng đối với hồ sơ vay của Công ty H.

- Về vấn đề chữ ký trên hồ sơ vay có sự khác nhau: Bị cáo không có lỗi trong việc hồ sơ vay của Công ty H có giả mạo chữ ký, trong khi con dấu của Công ty là thật. Ông H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty H có nghĩa vụ quản lý, sử dụng con dấu của Công ty. Dấu đóng trên văn bản là thật, một người có thể ký nhiều chữ ký khác nhau nên kết quả giám định chữ ký không giống nhau là điều đương nhiên. Trên hồ sơ thể hiện chữ ký không giống nhau, nhưng khi đã đóng con dấu lên thì xác định là người ký có thẩm quyền. Không thể vì xác định “các chữ ký trên hồ sơ là không giống nhau” thì hồ sơ vay là không có giá trị, trong khi con dấu là thật. Không có quy định của ngân hàng về việc cán bộ tín dụng phải chứng kiến giám đốc doanh nghiệp ký trực tiếp hồ sơ vay vốn.

- Toàn bộ quá trình xét xử cũng như đến thời điểm hiện tại, không hiểu vì lý do gì mà Ngân hàng Vietin Bank – Chi nhánh Bắc Giang đã không có bất cứ động thái nào để thu nợ cho Ngân hàng mặc dù có đầy đủ căn cứ yêu cầu Người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay, tài sản đảm bảo có giá trị lớn và tính thanh khoản cao. Đề nghị Tòa án làm rõ vì đây là tình tiết quan trọng để xác định có hay không có hậu quả thiệt hại 02 tỷ đồng của Ngân hàng?

- Bị cáo Nguyễn Ngọc A là người có nhân thân tốt. Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng, luôn là người mẫn cán, được nhiều lần khen thưởng vì thành tích trong công việc (có Giấy khen lao động tiên tiến các năm 2006, 2007, 2008). Vì các lý do trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không xem xét trách nhiệm hình sự với bị cáo Nguyễn Ngọc A đối với món vay 02 tỷ đồng của Công ty H, xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc A. Giữ nguyên án sơ thẩm xử đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Ngọc A: đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc A đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định: Nguyễn Ngọc A là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch Bắc Giang thuộc Ngân hàng VietinBank Chi nhánh Bắc Giang đã không tiếp xúc khách hàng vay vốn là Công ty H, không kiểm tra, thẩm định thực tế tài sản thế chấp là kho đạm Ure của Công ty P1 dẫn đến Ngân hàng Vietin bank Chi nhánh Bắc Giang sau khi giải ngân cho vay đã không thu hồi được tổng số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc A thừa nhận hành vi làm hồ sơ vay vốn của Công ty P1 như án sơ thẩm nêu là đúng, không oan. Đối với hồ sơ vay vốn của Công ty H, hồ sơ này được bảo lãnh bằng tài sản đảm bảo là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại ngân hàng vẫn đang giữ. Ngân hàng hoàn toàn có thể phát mại tài sản đảm bảo này để thu hồi vốn cho vay. Ngân hàng không có quy định bắt buộc người vay vốn phải ký trực tiếp trước mặt cán bộ ngân hàng. Vì vậy, việc buộc trách nhiệm cho bị cáo đối với hồ sơ vay vốn của công ty H đối với bị cáo là không có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc A thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì nể nang đồng nghiệp trong cùng đơn vị công tác bị cáo đã không thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao, xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, dẫn đến thất thoát tổng số tiền là 3.400.000.000 đồng của ngân hàng sau khi giải ngân cho vay đến nay chưa thu hồi được, làm ảnh hưởng

đến uy tín của hệ thống ngân hàng nói chung và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương chi nhánh Bắc Giang nói riêng. Hành vi phạm tội của bị Nguyễn Ngọc A là rất nghiêm trọng, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội một phần do hành vi trái pháp luật của Dương Văn C2 đã là chủ ý làm giả các hợp đồng tín dụng để chiếm đoạt tài sản.

Trong quá trình thiết lập hồ sơ vay vốn, bị cáo Ngọc A đã không tiếp xúc với khách hàng vay vốn là đại diện Công ty TNHH thương mại dịch vụ H để tiếp nhận hồ sơ và làm các thủ tục theo quy định, không chứng kiến khách hàng ký xác nhận trên các giấy tờ. Việc khách hàng ký xác nhận như thế nào và có hay không có nội dung này thì bị cáo Ngọc A cũng không biết vì các giấy tờ sau khi thiết lập xong đã chuyển cho Dương Văn C2 để xin chữ ký xác nhận. Quá trình thẩm định tài sản bảo đảm Ngọc A cũng tin tưởng người đứng tên thế chấp tài sản khi giao cho một người khác không có liên quan tham gia xác định tài sản bảo đảm nên dẫn đến việc xác định không đúng tài sản. Ngoài ra không tiến hành thẩm định tài sản bảo đảm là kho đạm Ure mà chỉ căn cứ trên giấy tờ và thiết lập hồ sơ thế chấp tài sản, biên bản định giá tài sản, hậu quả dẫn đến việc không phát hiện ra khoản vay không có tài sản bảo đảm và khoản vay được thiết lập giả nội dung khách hàng vay vốn. Việc làm trên của bị cáo đã thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công tại văn bản phân công trách nhiệm nhiệm vụ cụ thể của lãnh đạo phòng và cán bộ trong phòng giao dịch Bắc Giang, Ngân hàng Công thương Bắc Giang số 01/2009/GDBG ngày 06/01/2009 do trưởng phòng giao dịch Dương Văn C2 ký (bút lục 582), cụ thể; hành vi của bị cáo Ngọc A đã vi phạm về quy trình thẩm định cho vay và quy trình xét duyệt cho vay được quy định tại Điều 20 của quy định cho vay đối với các tổ chức kinh tế (ban hành kèm theo Quy định số 072/QĐ-HĐQT-NHCT 35 ngày 03/4/2006 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Công thương) (bút lục 668).

Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật. Do vậy, bị cáo và luật sư cho rằng không thiếu trách nhiệm trong việc lập hồ sơ vay vốn của Công ty H là không có căn cứ.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án thì thấy: bị cáo Nguyễn Ngọc A và Ngô Mạnh K có vai trò đồng phạm trong hành vi phạm tội đối với một hợp đồng tín dụng của Công ty P1 (số tiền 1,4 tỉ đồng). Việc đồng phạm này mang tính chất giản đơn, cả hai bị cáo đều là người thực hiện hành vi nhưng trước khi thực hiện không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ gì nên có vai trò ngang nhau và là đồng phạm giản đơn, bị cáo Khương phải chịu trách nhiệm với tư cách là Lãnh đạo chi nhánh thiếu trách nhiệm trong việc tiến hành thẩm định, định giá tài sản; còn bị cáo Nguyễn Ngọc A thực hiện với tư cách là cán bộ tín dụng thiếu trách nhiệm trong việc thiết lập hồ sơ vay vốn để trình lãnh đạo ký duyệt. Còn hành vi của bị cáo Ngô Tuấn A1 đối với 6

hợp đồng tín dụng và hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc A đối với 1 hợp đồng tín dụng của công ty H trong vụ án này là độc lập, các bị cáo không có vai trò đồng phạm.

Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Ngọc A thì thấy: bị cáo Nguyễn Ngọc A thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo là người có nhân thân tốt, quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; bố mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Ngọc A được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo là có căn cứ và đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày trong quá trình công tác được 3 năm liền là lao động tiên tiến và được tặng thưởng giấy khen, đề nghị được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, không đảm bảo Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999. Việc Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần với bị cáo Ngọc A là đúng quy định không trái quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự như bị cáo trình bày.

Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân dân bị cáo đã xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không nặng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, người đại diện theo ủy quyền đều có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh V3 có mặt khai toàn bộ thiệt hại về tài sản của ngân hàng do các bị cáo gây ra đã được giải quyết trong vụ án khác, nên không đề nghị giải quyết về phần dân sự trong vụ án này. Do vậy không đặt ra giải quyết về phần dân sự đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam trong vụ án này. Việc xử lý tài sản bảo đảm là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bích bảo lãnh vay vốn cũng không đặt ra xem xét trong vụ án này vì đã được giải quyết trong vụ án khác có liên quan. Do vậy, đề nghị của luật sư và bị cáo Ngọc A liên quan đến việc xử lý món vay 02 tỷ đồng của Công ty H là món vay có tài sản bảo đảm là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bích bảo lãnh vay vốn thì Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm nên HĐXX xét thấy cần không chấp nhận kháng cáo

của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc A; tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc A. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A; tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc A **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. (bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/01/2011 đến ngày 31/01/2011).

[2] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Dung